

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 12/10/2021
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Trung và bà Trần Thị Hồng Nga.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST - DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn Đại Bình, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1972 và bà Hà Thị X, sinh năm 1976

Trú tại: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ông Anh có mặt, bà Xuân vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2021, nguyên đơn ông Đặng Hữu T trình bày: Vào ngày 30/11/2015, ông Phạm Ngọc A có mượn tôi số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để làm vốn, mua bán mặt hàng điện tử, hẹn đến ngày 15/01/2016 trả. Tôi đã nhiều lần đòi lại số tiền vay trên nhưng ông Phạm Ngọc A cố ý không trả mà còn chửi bới, la ó, hăm dọa đánh đập và đòi giết tôi. Nay tôi khởi

kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc A trả lại số tiền 15.000.000 đồng theo giấy hẹn nợ lập ngày 30/11/2015 và không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/5/2021, nguyên đơn bổ sung: Tôi khởi kiện vợ chồng ông Phạm Ngọc A và bà Hà Thị X; yêu cầu ông A và bà X cùng có nghĩa vụ trả số tiền 26.700.000 đồng (Trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 11.700.000 đồng (*tính từ ngày 15/01/2016 đến ngày 30/5/2021 là 65 tháng x 1,2%/tháng*) phát sinh từ từ giấy hẹn nợ lập ngày 30/11/2015 và còn phải chịu thêm tiền lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Phạm Ngọc A trình bày như sau: Vào thời gian nào thì tôi không nhớ, vợ tôi (bà Hà Thị X) có nói lại với tôi là bà có vay của ông T số tiền 15.000.000 đồng và sau đó vay thêm 35.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Hai bên có lập giấy nhận nợ và tôi với bà X có ký xác nhận nợ; đến nay tôi đã trả đủ 50.000.000 đồng cho ông T. Tôi xác nhận đến nay không nợ tiền ông Tùng.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu tôi và bà X có trách nhiệm trả số tiền nợ 15.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 15/01/2016 theo Giấy hẹn nợ ngày 30/11/2015 thì tôi không đồng ý vì tôi không vay số tiền này của ông T. Chữ ký trên giấy hẹn nợ ngày 30/11/2015 không phải của tôi. Điều này đã được chứng minh bằng kết luận giám định số 153/GĐ-PC09 ngày 21/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên. Bà X có mượn số tiền này của ông hay không thì ông không biết, chữ ký chữ viết trên giấy có phải của bà X hay không thì ông không biết, hiện nay bà X đã bỏ địa phương đi hơn 03 năm, không biết đang ở đâu, làm gì.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn xác định không tranh chấp số tiền 50.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 04/7/2015 vì ông A bà X đã trả xong; chỉ tranh chấp số tiền 15.000.000 đồng tại giấy hẹn nợ ngày 30/11/2015. Nguyên đơn không cung cấp địa chỉ mới của bị đơn bà X và không yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Phạm Ngọc A và bà Hà Thị X cùng có nghĩa vụ trả số tiền 27.420.000 đồng (Trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 12.420.000 đồng (*tính từ ngày 15/01/2016 đến ngày 30/9/2021 là 69 tháng x 1,2%/tháng*) phát sinh từ giấy hẹn nợ lập ngày 30/11/2015.

- Bị đơn xác định đến nay không nợ tiền ông T, việc bà X có nợ thì ông Tùng khởi kiện bà X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Xuân vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 257, Điều 466 Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc A cùng có trách nhiệm trả số tiền 27.420.000 đồng và áp dụng Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Hà Thị X cùng có trách nhiệm trả số tiền 27.420.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại bà Hà Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Xuân vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không có lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà X.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A bà X cùng có nghĩa vụ trả số tiền 27.420.000 đồng (Trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 12.420.000 đồng (*tính từ ngày 15/01/2016 đến ngày 30/9/2021 là 69 tháng x 1,2%/tháng*) phát sinh từ giấy hẹn nợ lập ngày 30/11/2015. Tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện là “*Giấy hẹn nợ*” lập ngày 30/11/2015.

[2.1] Xét, chứng cứ là “*giấy hẹn nợ*” ngày 30/11/2015 thì thấy người mượn tiền bà Hà Thị X; cuối giấy hẹn nợ có chữ ký của Hà Thị X và chồng Phạm Ngọc A. Nhưng theo Kết luận giám định số 153/GĐ-PC09 ngày 21/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên xác định chữ ký, chữ viết trên giấy hẹn nợ ngày 30/11/2015 với các tài liệu so sánh do ông Phạm Ngọc A cung cấp không phải do cùng một người ký, viết ra. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chữ ký, chữ viết Phạm Ngọc A tại giấy hẹn nợ lập ngày 3/11/2015 đích thực không phải do bị đơn ông Phạm Ngọc A ký. Đối chiếu chứng cứ là “*giấy hẹn nợ lập*” ngày 30/11/2015 với quy định của Luật được quy định tại Điều 275 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nghĩa vụ trả nợ của bị đơn ông Phạm Ngọc A không phát sinh từ hợp đồng vay này.

[2.2] “*Giấy hẹn nợ*” ghi rõ người mượn tiền là Hà Thị X nhưng không ghi địa chỉ nơi cư trú. Tại đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn ghi địa chỉ của người bị kiện bà Hà Thị X trú tại thôn Ân Niên, xã Hòa An, huyện Phú Hòa. Sau khi có đơn khởi kiện bổ sung, Tòa án đã tiến hành thụ lý nhưng không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bà X. Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2021, Công an xã Hòa An cung cấp: Bà X đã đi khỏi địa phương trên 06 tháng. Tại biên bản làm việc ngày 01/7/2021, nguyên đơn ông T không cung cấp địa chỉ mới của bà X và không yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Đối chiếu yêu cầu khởi kiện buộc bà Hà Thị X trả tiền với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết

đối với yêu cầu này theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Hậu quả của việc đình chỉ là nguyên đơn được quyền khởi kiện lại yêu cầu bà Hà Thị X trả nợ.

[3] Xét, giấy hẹn nợ ngày 30/11/2015 cùng với Kết luận giám định số 153/GĐ-PC09 ngày 21/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền chỉ có một mình bà Hà Thị X xác lập; mục đích của việc vay tiền này không thể hiện để nhằm nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó đối chiếu yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Phạm Ngọc A cùng có trách nhiệm trả nợ với quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 1, 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình là không có căn cứ để chấp nhận.

Khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*”.

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm.

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

[4] Tại bản trình bày ngày 04/5/2021, nguyên đơn ông T xác định chỉ khởi kiện ông Phạm Ngọc A, yêu cầu ông A trả 15.000.000 đồng và không tính lãi. Bút tích phía sau giấy mượn tiền lập ngày 04/07/2015 do ông T cung cấp (B1 36) có nội dung: “*Kiện lại (Kiện mình A thôi và giấy nợ 15 triệu đồng thôi)*”. Như vậy ý thức ban đầu của nguyên đơn ông T khởi kiện chỉ một mình ông Phạm Ngọc A nhưng sau khi nhận được kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên thấy chứng cứ bất lợi cho mình nên nguyên đơn khởi kiện cả ông A bà X yêu cầu cùng có nghĩa vụ trả nợ.

[5] Về nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Việc yêu cầu giám định của bị đơn ông Phạm Ngọc A có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn ông Đặng Hữu T phải chịu chi phí giám định là 2.625.000 đồng. Bị đơn ông Phạm Ngọc A đã tạm ứng trả nên ông T phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Ngọc A.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các; Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm h khoản 1 Điều 217, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 149, 150, 275, 436, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1, 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 13; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Ngọc A cùng có trách nhiệm trả số tiền 27.420.000 đồng (Trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 12.420.000 đồng *(tính từ ngày 15/01/2016 đến ngày 30/9/2021 là 69 tháng x 1,2%/tháng)* phát sinh từ giấy hẹn nợ lập ngày 30/11/2015.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Hà Thị X cùng có trách nhiệm trả 27.420.000 đồng (Trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 12.420.000 đồng *(tính từ ngày 15/01/2016 đến ngày 30/9/2021 là 69 tháng x 1,2%/tháng)* phát sinh từ giấy hẹn nợ lập ngày 30/11/2015. Hậu quả đình chỉ là ông Tùng được quyền khởi kiện lại bà Hà Thị X.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Đặng Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.371.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 675.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003133 ngày 08/3/2021 và số 0004097 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa. Do đó ông Đặng Hữu Tùng CÒN phải nộp tiếp số tiền 696.000 đồng.

- Về chi phí giám định: Ông Đặng Hữu T phải chịu chi phí giám định số tiền 2.625.000 đồng. Ông Phạm Ngọc A đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Phạm Ngọc A số tiền 2.625.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Trường hợp người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nguyên đơn, bị đơn ông Phạm Ngọc A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Hà Thị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tâm

